

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---- o0o ----

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**  
**Năm 2016**

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà  
Tên tiếng Anh: HONG HA STATIONERY JOINT STOCK COMPANY  
Tên viết tắt: HONG HA JSC

Logo:



Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100216 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016

Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Địa điểm 2: 672 Ngô Gia Tự - Quận Long Biên - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3652 3332 – Fax: (84.4) 3652 4351

Website: <http://www.vpphongha.com.vn>

Mã cổ phiếu: HHA - Sàn giao dịch: UPCOM

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (Công ty) trước đây là Nhà máy Văn phòng phẩm Hồng Hà, nhà máy sản xuất đồ dùng văn phòng đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập theo Quyết định số 2406/BCN/TC ngày 21/10/1959 của Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 1014QĐ/TCLĐ ngày 28/07/1995 của Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công thương), Nhà máy văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức đổi thành Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà.
- Ngày 02/08/1995, Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà chính thức gia nhập Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Từ đây, Công ty có điều kiện hội nhập với ngành Giấy, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

- Với tư duy năng động của lãnh đạo, lại được Tổng công ty Giấy Việt Nam giúp đỡ và tạo điều kiện về cơ chế và vốn. Từ năm 1999, Công ty đã mạnh dạn tập trung nghiên cứu sản xuất các mặt hàng giấy vớ; từng bước hoàn thiện công nghệ, thiết bị cả về chiều rộng và chiều sâu nên sản phẩm chủng loại trở nên đa dạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, các dây chuyền sản xuất vớ, sổ các loại, đồ dùng văn phòng và các loại bút mới: bút bi, bút chì, bút dạ kim,... được đưa vào hoạt động. Sản phẩm của Công ty liên tục được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”; thương hiệu Hồng Hà đạt giải thưởng “Sao Vàng Đất Việt” và là một trong 100 thương hiệu mạnh toàn quốc.
- Công ty Văn phòng phẩm Hồng Hà được phê duyệt phương án chuyển đổi thành Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà theo Quyết định số 2721/QĐ-BCN ngày 25/8/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Kể từ sau cổ phần hóa đến nay, với tư duy cởi mở, năng động, sáng tạo, chủ động trong công tác điều hành, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã có những tiến bộ vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Nếu như năm 2006, tổng doanh thu của Công ty mới đạt 183,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 6,014 tỷ thì sang đến năm 2015, tổng doanh thu của Công ty đã chạm mốc 520 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 55,49 tỷ đồng. Cùng với hiệu quả SXKD, thu nhập của cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng được đảm bảo.
- Ngày 21/10/2015, Tổng công ty Giấy Việt Nam đã thực hiện chào bán thành công phần vốn Nhà nước tại Công ty. Số lượng chào bán thành công là 2.450.085 cổ phần, tương đương 41,55% vốn điều lệ Công ty. Như vậy, kể từ ngày 21/10/2015, Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà đã chính thức không còn vốn của cổ đông Nhà nước.

### 3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016; theo Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015); theo Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua. Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà kinh doanh các ngành hàng:
  - Văn phòng phẩm và đồ dùng học sinh các loại.
  - Giấy và các sản phẩm từ giấy.
  - Nhựa và các sản phẩm từ nhựa.
  - Kim loại và các sản phẩm từ kim loại.
  - Kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà xưởng, văn phòng.
- Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100100216 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2016, Công ty có trụ sở chính tại 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và có các Chi nhánh và Địa điểm kinh doanh, địa chỉ như sau:

**Tên chi nhánh**

- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng – Mã số chi nhánh 0100100216-010

- Chi nhánh Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Thành phố Hồ Chí Minh - Mã số chi nhánh 0100100216-004

**Địa chỉ**

23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

C12/1A ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

**Tên địa điểm kinh doanh**

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 2

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 3

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 4

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà – Địa điểm 5

**Địa chỉ**

Số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ki ốt 14-15-16-17 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

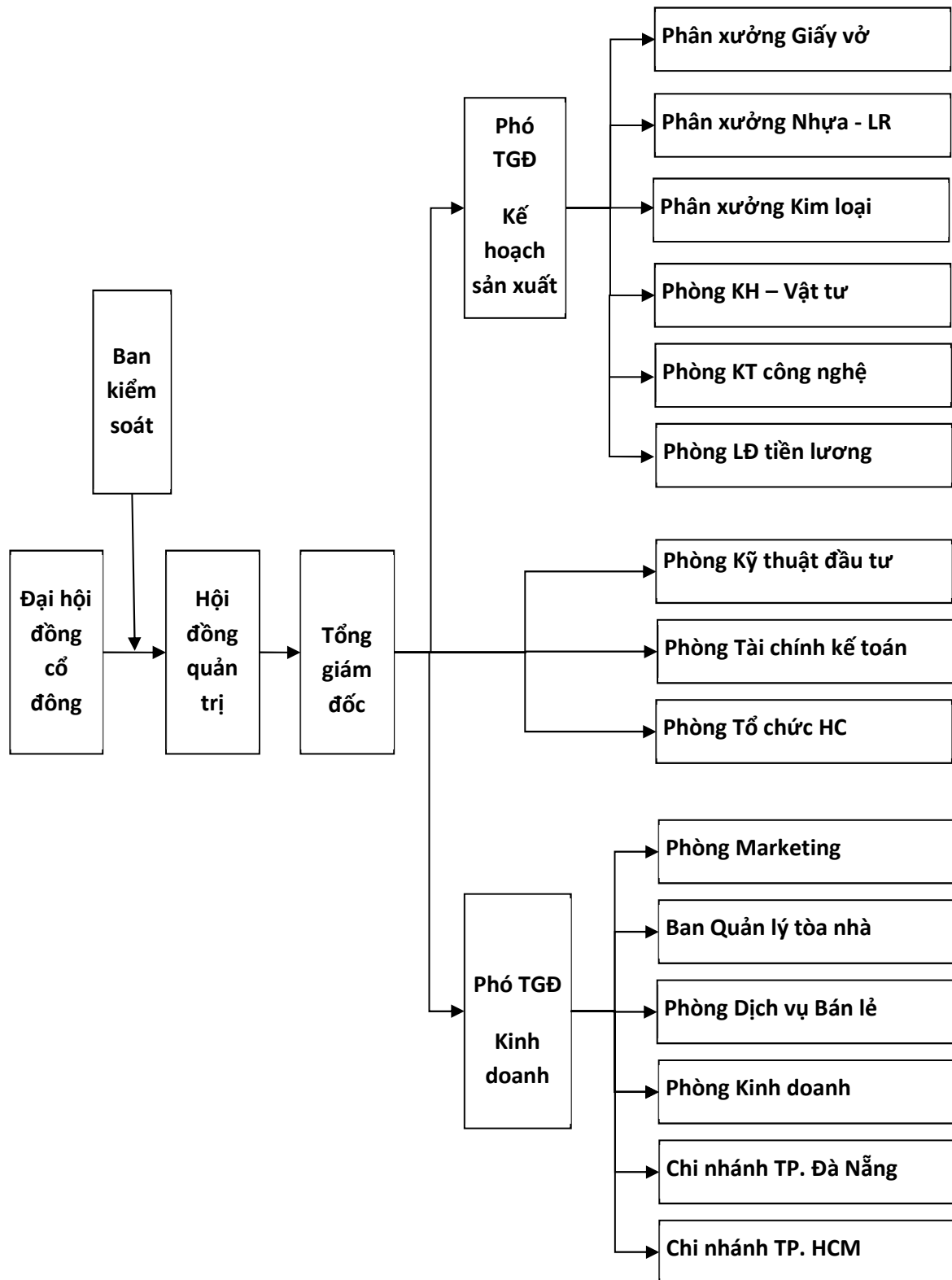
Tầng 1 - TTTM Vincom Center Long Biên, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

260 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý**

- Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (có hiệu lực từ 01/07/2015) của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

**Sơ đồ Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý**  
**Công ty cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại thời điểm 31/12/2016**



• **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Ban kiểm soát:**

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát (BKS) có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Ban kiểm soát là cơ quan giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2016, Ban kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Ông Nông Văn Quyết - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Tạ Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát
3. Bà Bùi Thị Thủy - Thành viên Ban kiểm soát

- **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị (HĐQT) có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc (TGD) và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Tại thời điểm 31/12/2016, HĐQT Công ty bao gồm:

1. Ông Võ Sỹ Dũng - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Bùi Kỳ Phát - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Trương Quang Luyện - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4. Bà Đào Thị Mai Hạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
5. Ông Nguyễn Hưng - Thành viên
6. Ông Bùi Quốc Giang - Thành viên
7. Ông Phan Hưng - Thành viên

- **Tổng giám đốc:**

Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty. Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- **Phó Tổng giám đốc:**

Các Phó Tổng giám đốc Công ty giúp việc cho Tổng giám đốc và điều hành hoạt động tại các lĩnh vực trong Công ty theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc. Các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Đến 31/12/2016, Công ty có 02 Phó Tổng giám đốc phụ trách các mảng sản xuất, kinh doanh.

- **Ban điều hành:**

Ban điều hành (BĐH) là cơ quan điều hành mọi hoạt động SXKD cũng như các hoạt động hàng ngày khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành Công ty gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu năm 2016:
  - Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ thoả mãn nhu cầu và hàm chứa yếu tố trách nhiệm xã hội, thân thiện với môi trường.
  - Không ngừng đầu tư phát triển thương hiệu “Hồng Hà” gắn liền với đổi mới giáo dục, gắn với việc học tập và vì sức khoẻ học đường. Không ngừng đầu tư nghiên cứu thị trường văn phòng phẩm, phát triển các sản phẩm văn phòng phẩm phục vụ khối tổ chức, doanh nghiệp.
  - Tôn trọng và tạo cơ hội phát triển cho mọi thành viên trong Công ty, đồng thời nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự sao cho hiệu quả nhất.
  - Coi các nhà cung cấp nguyên vật liệu, bán thành phẩm, công ty vệ tinh, nhà phân phối, các đối tác đầu tư dự án ... là đối tác chiến lược của Công ty.
  - Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Hoàn thiện tài liệu chuyển đổi sang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 từ tháng 3/2018
  - Kế hoạch SXKD năm 2016:
    - + Doanh thu : 548 tỷ đồng
    - + Lợi nhuận trước thuế : 31 tỷ đồng
  - Tiếp tục triển khai lập dự án đầu tư và xin cấp phép xây dựng tại ô số 3 khu 94 phố Lò Đúc - Hà Nội.
  - Áp dụng hệ thống quản lý phần mềm ERP và phần mềm quản lý bán hàng DMS.Plus
  - Ổn định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố, tạo uy tín và sự phát triển bền vững cho Công ty.
  - Ổn định tổ chức phát triển thị trường, tăng độ bao phủ hàng hoá tại hai thị trường miền Trung và miền Nam.
- Các chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập. Không ngừng đa dạng hoá ngành hàng, đa phương hoá nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.
  - Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".
  - Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

#### 5. Các rủi ro

##### 5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành

- Việt Nam đã hoàn tất quá trình đàm phán và đang trong quá trình thực hiện một loạt các hiệp định thương mại tự do (AEC, AVFTA), đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và với Công ty nói riêng. Trong đó, phải kể đến 2 xu hướng sẽ có tác động lớn tới mục tiêu phát triển của công ty gồm:

- Các doanh nghiệp FDI sẽ gia nhập ngành hàng văn phòng phẩm và cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp cùng ngành hiện tại, trong đó có Hồng Hà tại thị trường Việt Nam.
  - Các sản phẩm văn phòng phẩm nhập ngoại sẽ xuất hiện nhiều hơn tại thị trường Việt Nam và sức cạnh tranh ngày càng tốt hơn do được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do.
- Khi thị phần, doanh thu, lợi nhuận bị ảnh hưởng thì các đối thủ cùng ngành hàng sẽ ngày càng tăng cường nguồn lực để tạo lợi thế trong cạnh tranh. Việc này sẽ khiến cho cuộc chiến trong ngành văn phòng phẩm tại thị trường Việt Nam ngày càng khốc liệt trên các khía cạnh như công nghệ, bán hàng, marketing ...

## 5.2. Rủi ro về luật pháp

- Việt Nam đã chính thức là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới và đang từng bước cải tổ hành lang pháp lý để phù hợp với thông lệ quốc tế. Nhưng do thời gian hoàn chỉnh, hướng dẫn thực hiện các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp. Là một Công ty Cổ phần nên Hồng Hà một mặt chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, mặt khác còn phải tuân thủ đầy đủ các văn bản có liên quan của Hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam như: các Luật thuế, Luật lao động ... Vì vậy, những biến động về pháp luật sẽ đều tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- Nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn cập nhật thường xuyên các chính sách có liên quan để chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động Công ty. Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, theo sát, thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương Nhà nước, nắm bắt kịp thời các quy định mới của pháp luật, để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển SXKD dài hạn và phù hợp cho từng thời kỳ.

## 5.3. Rủi ro đặc thù

### a. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

- Hồng Hà phải mua nguyên vật liệu như giấy, bìa, nhựa, mực ... Các nguyên liệu này chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm (khoảng 78%-81%) nên sự biến động giá các nguyên liệu này sẽ có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Để khắc phục rủi ro này, những năm gần đây, Công ty đã chọn giải pháp ký hợp đồng cung cấp nguyên liệu đầu vào lâu dài với các nhà cung cấp lớn nhằm mục đích có được nguồn nguyên liệu ổn định và giá cả hợp lý. Mặt khác Công ty luôn theo dõi sát sao các biến động giá cả trên thị trường để có những quyết định điều chỉnh kịp thời, tính toán kỹ lưỡng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ để có lượng nguyên vật liệu dự trữ hợp lý đáp ứng nhu cầu SXKD.

### b. Rủi ro cạnh tranh trong cùng ngành

- Trên thị trường Việt Nam, ngoài Công ty Hồng Hà, hiện có một số công ty sản xuất và cung cấp văn phòng phẩm, đồ dùng học tập lớn là Công ty Cổ phần tập đoàn Thiên Long, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Bến Nghé, Công ty Cổ phần giấy Hải Tiến, Công ty cổ phần Vĩnh Tiến, ... Bên cạnh đó còn rất nhiều các doanh nghiệp tư nhân nhỏ lẻ khác

cung cấp đồ dùng văn phòng phẩm, đặc biệt là các sản phẩm nhập khẩu theo đường tiểu ngạch của Trung Quốc. Hơn nữa, trong thời gian gần đây, các Công ty văn phòng phẩm nổi tiếng thế giới của Nhật Bản, Pháp, Đức, Thái Lan ... cũng đã và đang xây dựng thương hiệu của mình trên thị trường Việt Nam như: Plus, Kokuyo ... Thế mạnh vượt trội của Hồng Hà là Doanh nghiệp có trên 55 năm xây dựng và phát triển, am hiểu thị trường và người tiêu dùng Việt trong khi các đối thủ còn lại mới thành lập trong khoảng 10 năm gần đây. Hồng Hà đã xây dựng được một mạng lưới phân phối sản phẩm sâu và rộng trên khắp cả nước với gần 100 Nhà phân phối và trên 10.000 điểm bán lẻ, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Bên cạnh đó, để tăng cường lợi thế cạnh tranh của mình, Hồng Hà không ngừng cải tiến mẫu mã, đầu tư công nghệ mới, tiên tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng, thân thiện với môi trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Công ty cũng chú trọng đầu tư cho công tác xây dựng và phát triển thương hiệu. Các thương hiệu sản phẩm giấy vở, bút các loại, văn phòng phẩm, ba lô túi cặp, đồng phục học sinh... đã được thị trường đánh giá cao, tạo được lòng tin trong tâm trí người tiêu dùng.

#### c. Rủi ro từ yếu tố công nghệ:

- Yếu tố công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quản trị sản xuất của Công ty. Công nghệ mới góp phần không nhỏ trong việc tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Trong những năm gần đây, với sự tham gia thị trường của một số doanh nghiệp cùng ngành với vốn đầu tư ban đầu lớn, cộng thêm ưu thế về công nghệ đã làm nóng thị trường văn phòng phẩm, đồ dùng học sinh trong nước vốn đã cạnh tranh rất gay gắt. Thực tế này đặt ra cho Hồng Hà bài toán về cải tiến công nghệ cũ và áp dụng công nghệ mới trong sản xuất nhằm tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

### **5.4. Rủi ro về tài chính**

#### a. Rủi ro về tỷ giá

- Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu mua trong nước và sản phẩm lại chủ yếu bán cho người tiêu dùng Việt Nam nên trong quá trình hoạt động SXKD không phát sinh nhiều ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá USD/VND và EUR/VND liên tục biến động đã không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty.

#### b. Rủi ro về lãi suất

- Mặc dù đã có sự tăng trưởng tốt trong năm 2016 nhưng nền kinh tế Việt Nam chưa hoàn toàn hồi phục so với thời kì trước khủng hoảng kinh tế, lạm phát và giá cả tiêu dùng có giảm nhưng sức mua cũng giảm.
- Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty cần sử dụng vốn vay để đáp ứng yêu cầu SXKD. Năm 2016, lãi suất đi vay có xu hướng ổn định ở mức thấp hơn so với những năm trước, đồng thời Công ty cũng tận dụng tối đa dòng tiền từ hoạt động SXKD của Công ty nên rủi ro lãi suất trong năm 2016 là không nhiều. Tuy nhiên, do lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại ở Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên việc quản trị tốt các rủi ro về lãi suất luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2016

### 1. Tình hình hoạt động SXKD

#### Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2016:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		Th/hiện năm 2015	So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		TH2016/ TH2015	TH/KH 2016
1	2	3	4	5	6	7 = 5/6	8 = 5/4
1	Tổng doanh thu (DT)	Tr.đ	548.000	553.717	520.115	106,46%	101,04%
2	Giảm trừ DT	Tr.đ	23.000	23.417	20.922	111,93%	101,81%
3	Tổng DT sau giảm trừ	Tr.đ	525.000	530.300	499.193	106,23%	101,01%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	494.000	495.600	443.699	111,70%	100,32%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	31.000	34.700	55.494	62,53%	111,94%
	Trong đó:						
*	LN từ cho thuê dài hạn tại 25LTK	Tr.đ			25.197		
*	LN từ SXKD	Tr.đ	31.000	34.699	30.297	114,53%	111,93%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	24.269	27.165	43.209	62,87%	111,93%
7	Tỷ suất LNST/DT	%	4,43%	4,91%	8,31%	59,04%	110,78%
8	Tỷ suất LNST/VĐL	%	41,16%	46,07%	73,28%	62,87%	111,93%
9	Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	3.600	3.686	6.082	60,61%	102,39%
10	Lao động BQ (người/tháng)	Người	400	436	430	101,40%	109,00%
11	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	8.000	8.031	7.013	114,52%	100,39%
12	Cổ tức	%	18%	30%	25%	120,00%	166,67%

Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng; VĐL: Vốn điều lệ; BQ: Bình quân; 25 LTK: 25 Lý Thường Kiệt

Số liệu trong chỉ tiêu "Tổng doanh thu" trong Báo cáo này là số liệu chưa trừ đi phần chiết khấu giảm giá hàng bán. Năm 2015, tổng chiết khấu giảm giá hàng bán là 20.664.980.863 đồng; năm 2016, tổng chiết khấu giảm giá hàng bán là 21.839.727.671 đồng. Trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán, chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01) là số liệu doanh thu đã trừ đi phần chiết khấu giảm giá hàng bán.

Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ thực hiện năm 2016 là tỷ lệ do HĐQT Công ty dự kiến. HĐQT Công ty sẽ phải trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Công ty để thông qua.

Năm 2016, Công ty ghi nhận tăng trưởng tốt cả doanh thu và lợi nhuận so với năm 2015. Tổng doanh thu năm 2016 tăng 6,46 % so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, nếu so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ năm 2016 đã thông qua thì tổng doanh thu chỉ tăng 1,04%. Nguyên nhân chủ yếu để doanh thu chỉ tăng nhẹ so với kỳ vọng là do doanh thu tại thị trường Miền Nam mặc dù có tăng so với cùng kỳ năm 2015 nhưng vẫn không đạt như dự kiến từ đầu năm do đặc thù cạnh tranh trên thị trường và yếu tố nhân sự (cả nhân sự quản lý) chưa thực sự ổn định.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

Đến thời điểm 31/12/2016, Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên. Cụ thể:

- Ông Trương Quang Luyến - Tổng giám đốc
  - + Sinh năm: 1977
  - + Nguyên quán: Yên Bình - Yên Bái
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

+ Quá trình công tác:

Là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 05/2008;

Là Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 12/2008;

Là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty từ tháng 07/2014;

Là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty từ ngày 14/11/2016 đến nay.

+ Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2016): 108.289 cổ phần

• Bà Đào Thị Mai Hanh - Phó Tổng giám đốc Kế hoạch sản xuất

+ Sinh năm: 1963

+ Nguyên quán: Vũ Thư - Thái Bình

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

+ Quá trình công tác:

Là Quản đốc Phân xưởng Giấy vờ Công ty từ năm 2002;

Là TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty từ tháng 01/2006 đến nay.

+ Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2016): 70.775 cổ phần

• Ông Hoàng Mạnh Ánh - Phó Tổng giám đốc Kinh doanh

+ Sinh năm: 1976

+ Nguyên quán: Ninh Bình

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược marketing.

+ Quá trình công tác:

Là Trưởng phòng Kinh doanh từ tháng 05/2009;

Là Phó Tổng giám đốc Kinh doanh từ 01/07/2014 đến nay.

+ Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2016): 15.436 cổ phần

• Ông Nguyễn Quang Vũ- Kế toán trưởng

+ Sinh năm: 1980

+ Nguyên quán: Hưng Yên

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ Quá trình công tác:

Là Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty từ tháng 04/2010 đến 31/12/2014

Là Kế toán trưởng Công ty từ tháng 01/2015 đến nay

+ Số cổ phần HHA nắm giữ (thời điểm 31/12/2016): 6.174 cổ phần

Nhân sự Ban điều hành Công ty không thay đổi trong suốt năm 2016.

## 2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự

- Thời điểm 31/12/2016, Công ty có 435 lao động, trong đó lao động nữ chiếm trên 45%. Lao động có trình độ trên đại học chiếm 1,38%; trình độ đại học chiếm 29,2%; trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 59,77%; lao động phổ thông chiếm 9,66%.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động. Công tác tiền lương được triển khai đúng tiến độ và quy định của Nhà nước và Công ty. Thu nhập bình quân năm 2016 đã tăng 14% so với năm 2015, đạt trên 8 triệu đồng/người/tháng.

### 3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XD/CB và thực hiện các dự án

#### 3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XD/CB

##### Về Kỹ thuật công nghệ:

- Năm 2016, công ty đã đầu tư và hoàn thiện công nghệ sản xuất cho các thiết bị mới như máy in flexo liên động, máy đếm giấy, máy làm bì sô 3 mảnh, máy ép nhựa 180 tấn, máy bơm mực bút bi/gel, máy gia công túi myclear/túi hờ...
- Bổ sung và xây dựng mới các quy trình công nghệ cho thiết bị mới và xưởng giấy vờ sau mở rộng
- Nâng cao quy trình KCS giúp giảm tỷ lệ hàng hỏng, lỗi.
- Liên tục rà soát và áp dụng định mức vật tư mới giúp giảm tỷ lệ tiêu hao vật tư.

##### Về Kỹ thuật đầu tư:

- Với mục tiêu mở rộng ngành hàng, phát triển sản phẩm mới, nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm, năm 2016 HĐQT Công ty dự kiến tổng mức đầu tư cho thiết bị và xây dựng cơ bản là hơn 50 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2016, tổng các hạng mục thực hiện là trên 20 tỷ đồng. Phần kế hoạch đầu tư chưa thực hiện được trong năm 2016 sẽ được chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017.
- Bên cạnh đó, cuối năm 2016 đầu năm 2017, Công ty cũng đã hoàn thiện việc cải tạo nhà xưởng sản xuất cho phân xưởng giấy vờ với diện tích 4.200 m<sup>2</sup>.

#### 3.2. Kết quả triển khai các dự án

##### Dự án 25 Lý Thường Kiệt:

Tính đến 31/12/2016, Công ty đã lấp đầy được 95% diện tích cho thuê tại tòa nhà. Bên cạnh đó, các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ tại tòa nhà cũng được chú trọng triển khai nhằm đáp ứng lượng khách thuê tăng và nâng cao hình ảnh chung của dự án.

##### Dự án 94 Lò Đúc:

Hiện tại Công ty vẫn tiếp tục triển khai Hợp đồng Hợp tác đầu tư và các Phụ lục đã ký kết với đối tác. Tuy nhiên, Công ty cũng xem xét lại năng lực và yêu cầu đối tác xây dựng lại kế hoạch đầu tư để HĐQT Công ty phê duyệt trước khi ký các văn bản pháp lý khác của dự án.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	%
Tổng giá trị tài sản	đồng	469.046.217.355	446.136.070.723	105,14%
Doanh thu thuần	đồng	530.299.611.883	499.192.474.721	106,23%
Lợi nhuận từ SXKD, trong đó	đồng	34.804.540.421	54.112.891.664	64,32%
<i>Lợi nhuận từ SXKD</i>		<i>34.804.540.421</i>	<i>28.915.846.746</i>	<i>120,36%</i>
<i>LN từ cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>		<i>-</i>	<i>25.197.044.918</i>	<i>0,00%</i>
Lợi nhuận khác	đồng	(105.369.896)	1.380.729.165	-7,63%
Lợi nhuận trước thuế, trong đó	đồng	34.699.170.525	55.493.620.829	62,53%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015	%
Lợi nhuận từ SXKD	đồng	34.699.170.525	30.296.575.911	114,53%
LN từ cho thuê dài hạn tại 25 LTK	đồng	-	25.197.044.918	0,00%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	27.164.886.473	43.208.693.251	62,87%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	30	25	120,00%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
<b>- Khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,38	1,50
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,35
<b>- Cơ cấu vốn</b>		
+ Nợ / Tổng tài sản	0,72	0,71
+ Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,52	2,48
<b>- Năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,29	2,26
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,13	1,12
<b>- Khả năng sinh lời</b>		
+ Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	0,07	0,06
+ Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu	0,26	0,24
+ Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	0,07	0,07

Số liệu "Lợi nhuận trước thuế" năm 2015 được sử dụng để tính toán các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong bảng trên là số liệu lợi nhuận từ SXKD bình thường, không tính phần lợi nhuận có được từ cho thuê dài hạn tại 25 Lý Thường Kiệt.

Về cơ bản, tình hình tài chính năm 2016 của Công ty là tương đối tốt, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều có mức tăng trưởng tốt, chi phí được kiểm soát, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến năng lực hoạt động cũng như khả năng sinh lời đều có tăng trưởng tốt.

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 5.1. Cổ phần

- Vốn điều lệ: 58.961.000.000 đồng
- Số cổ phần: 5.896.100 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 5.896.100 cổ phần

## 5.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Diễn giải	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ
<b>Phân chia theo tỷ lệ sở hữu</b>				
1	Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	5	2,790,565	47,33%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5%	137	3,105,535	52,67%
<b>Phân chia theo tổ chức, cá nhân</b>				
1	Cổ đông tổ chức	1	10	0,0002%
2	Cổ đông cá nhân	141	5,896,090	99,9998%
<b>Phân chia theo lãnh thổ</b>				
1	Cổ đông trong nước	141	5,894,900	99,98%
2	Cổ đông nước ngoài	1	1,200	0,02%
<b>Phân chia theo vốn</b>				
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	142	5,896,100	100,00%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C028/2017-HHA/VSD-ĐK ngày 20/02/2017 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ khi thành lập tới thời điểm 31/12/2015, Công ty đã có 4 lần phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

### Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Số lượng cổ phần phát hành: 286.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 2.860.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 28.600.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.460.000.000 đồng

### Đợt 2: Phát hành cổ phiếu ra công chúng

- Số lượng cổ phần phát hành: 1.573.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 15.730.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: chào bán 1.573.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Giá phát hành: 20.000 đồng/cổ phần
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 31.460.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 47.190.000.000 đồng

### Đợt 3: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phần phát hành: 943.800 cổ phần

- |  |  |
|--|--|
| 2. Mệnh giá cổ phần:                     | 10.000 đồng  |
| 3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: | 9.438.000.000 đồng   |
| 4. Hình thức phát hành:                  | chào bán 943.800 cổ phần cho cổ đông hiện hữu  |
| 5. Giá phát hành:                        | 12.000 đồng/ cổ phần   |
| 6. Tổng giá trị chào bán:                | 11.325.600.000 đồng  |
| 7. Tỷ lệ phát hành:                      | 5:1 (cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ được thưởng quyền mua 01 cổ phiếu phát hành thêm) |
8. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi cổ đông sẽ được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ do HĐQT quyết định phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn 12.000 đồng/ cổ phiếu.

- |                                     |                     |
|-------------------------------------|---------------------|
| 9. Vốn điều lệ trước khi phát hành: | 47.190.000.000 đồng |
| 10. Vốn điều lệ sau khi phát hành:  | 56.628.000.000 đồng |

#### **Đợt 4: Chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

- |  |   |
|--|---|
| 1. Số lượng cổ phần phát hành:           | 233.300 cổ phần   |
| 2. Mệnh giá cổ phiếu:                    | 10.000 đồng   |
| 3. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: | 2.333.000.000 đồng  |
| 4. Hình thức phát hành:                  | chào bán cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động. |
- |                                     |                      |
|-------------------------------------|----------------------|
| 5. Giá phát hành:                   | 10.000 đồng/cổ phần  |
| 6. Tổng giá trị chào bán:           | 2.333.000.000 đồng.  |
| 7. Vốn điều lệ trước khi phát hành: | 56.628.000.000 đồng. |
| 8. Vốn điều lệ sau khi phát hành:   | 58.961.000.000 đồng. |

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016**

##### **a) Thuận lợi**

- Năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới có dấu hiệu chững lại nhưng vẫn đạt mức 3,1% (so với mức 3,2% năm 2015), kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng có mức tăng trưởng ở mức trên 6%, tuy không bằng năm 2015 nhưng cũng thuộc mức khá trong bối cảnh hiện tại của khu vực và thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng CPI ở mức 4,85% tăng nhẹ so với năm 2015. Tất cả những yếu tố đó đã giúp tổng thể bức tranh kinh tế 2016 tương đối triển vọng.
- Năm 2016, giá nguyên vật liệu chính của công ty như giấy, nhựa ... tương đối ổn định.
- Lãi suất ngân hàng vẫn ổn định ở mức thấp so với những năm trước.
- Công ty đang từng bước thực hiện tái cơ cấu về chiến lược, nhân sự và thiết bị nhằm tạo sự bứt phá trong thời gian tới.

**b) Khó khăn**

- Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng tiêu dùng còn thấp. Giá xăng dầu và phí đường bộ đều có xu hướng tăng khiến chi phí vận chuyển chịu ảnh hưởng tăng theo.
- Sự thay đổi để phù hợp với chiến lược mới về thương hiệu và các phân khúc khách hàng mục tiêu
- Sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp mới gia nhập ngành.
- Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu tràn lan trên thị trường. Đặc biệt, các dòng sản phẩm bút máy bị làm giả, làm nhái xuất hiện nhiều trên thị trường đã ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.
- Nhân sự còn yếu và thiếu, tính ổn định không cao làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

**c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2016**

- Năm 2016, công tác sản xuất có nhiều thuận lợi do các thiết bị đầu tư trong năm 2015 đã chạy ổn định. Kết hợp với việc đẩy sớm kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nên năm 2016 hầu như không còn tình trạng cháy hàng. Không chỉ các mặt hàng truyền thống được đảm bảo về sản lượng và tiến độ, các mặt hàng đặt cũng được rút ngắn thời gian hoàn thành nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kênh trường học. Tính đến hết 31/12/2016, sản lượng sản xuất và tiêu thụ các ngành hàng chủ lực đều đạt kế hoạch và vượt cùng kỳ 2015.
- Năm 2016, Công ty đã tập trung tốt công tác ổn định, duy trì sự hợp tác chặt chẽ với hệ thống phân phối trên toàn quốc và bước đầu áp dụng phần mềm quản lý bán hàng online cho hệ thống phân phối khu vực phía Bắc. Bên cạnh việc duy trì tốt hệ thống phân phối khu vực phía Bắc thì thị trường Miền Trung và Miền Nam cũng tiếp tục được mở rộng với tỷ lệ tăng trưởng bình quân trên 30%. Hệ thống kênh phân phối trường học cũng tiếp tục được mở rộng trên toàn quốc.
- Năm 2016, hoạt động marketing được đầu tư chuyên sâu với các dự án về chiến lược thương hiệu và nhận diện thương hiệu nhằm phù hợp với định hướng của ngành giáo dục cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển giai đoạn 2016-2020 của Công ty. Bên cạnh đó, các định hướng tập trung vào phân khúc khách hàng mục tiêu (THCS, THPT, sinh viên) và độ phủ sản phẩm, nhận diện thương hiệu tại điểm bán tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các hoạt động R&D, truyền thông mạng, trưng bày, sự kiện, khuyến mại dành cho người tiêu dùng ...
- Tồn kho vật tư, thành phẩm, hàng hóa về cơ bản cũng được dự phòng và kiểm soát tốt.
- Các hoạt động đầu tư xây dựng cải tạo 4.200 m<sup>2</sup> nhà xưởng phục vụ hoạt động sản xuất giấy vở cũng đã cơ bản hoàn thiện.
- Như vậy, với sự nỗ lực của Ban điều hành Công ty, cùng với sự đoàn kết nhất trí của toàn bộ CNCNV trong Công ty, tình hình SXKD của Công ty trong năm 2016 là tương đối tốt với sự tăng trưởng cả doanh thu và lợi nhuận.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

**Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) thời điểm 31/12/2016**

DVT: đồng

TT	Nội dung	31/12/2016	01/01/2016	Chênh lệch	%
I	Tài sản ngắn hạn	221.440.333.768	215.454.510.886	5.985.822.882	102,78%
II	Tài sản dài hạn	247.605.883.587	230.681.559.837	16.924.323.750	107,34%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>469.046.217.355</b>	<b>446.136.070.723</b>	<b>22.910.146.632</b>	<b>105,14%</b>
III	Nợ phải trả	335.622.424.906	317.785.610.759	17.836.814.147	105,61%
IV	Vốn chủ sở hữu	133.423.792.449	128.350.459.964	5.073.332.485	103,95%
	<i>Trong đó:- Vốn điều lệ</i>	<i>58.961.000.000</i>	<i>58.961.000.000</i>	-	<i>100,00%</i>
	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>469.046.217.355</b>	<b>446.136.070.723</b>	<b>22.910.146.632</b>	<b>105,14%</b>

Tổng tài sản thời điểm 31/12/2016 tăng 5,14% so với thời điểm 01/01/2016. Về cơ bản các chỉ tiêu chi tiết đều có mức tăng (hoặc giảm) không đáng kể và phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty trong năm 2016.

### b) Tình hình nợ phải trả

**Chi tiết Nợ phải trả tại Bảng cân đối kế toán thời điểm 31/12/2016**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/01/2016	Chênh lệch	%
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>335.622</b>	<b>317.786</b>	<b>17.836</b>	<b>105,61%</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>160.712</b>	<b>143.699</b>	<b>17.013</b>	<b>111,84%</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	41.495	59.327	(17.832)	69,94%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	419	135	284	310,37%
3. Thuế & các khoản phải nộp NN	1.287	296	991	434,80%
4. Phải trả người lao động	12.929	8.254	4.675	156,64%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11.924	3.104	8.820	384,15%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.276	1.624	(348)	78,57%
7. Phải trả ngắn hạn khác	9.295	4.816	4.479	193,00%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	75.781	65.188	10.593	116,25%
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.306	955	5.351	660,31%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>174.911</b>	<b>174.087</b>	<b>824</b>	<b>100,47%</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	48.187	48.958	(771)	98,43%
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	68.415	71.821	(3.406)	95,26%
3. Phải trả dài hạn khác	58.309	53.309	5.000	109,38%

Trong nhóm nợ phải trả, nợ phải trả ngắn hạn tăng 11,84% so với thời điểm cuối năm 2015. Nợ phải trả ngắn hạn tăng chủ yếu do các khoản "phải trả người lao động" và "vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" tăng. Chủ trương của Công ty từ đầu năm 2016 là đảm bảo



và tăng mức thu nhập cho người lao động làm cho các khoản phải trả người lao động cuối năm 2016 tăng. Các khoản vay tài chính ngắn hạn tăng và chi phí đi vay cũng tăng là do trong năm 2016 Công ty chi cho đầu tư TSCĐ hoàn toàn bằng nguồn vốn tự có nên số vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động tăng.

### 3. Kế hoạch năm 2017

#### 3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		Kế hoạch 2017	So sánh 2017/2016 (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện		Với KH	Với TH
1	2	3	4	5	6	(7)=6/4	(8)=6/5
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	58.961	58.961	58.961	100,00%	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	548.000	553.717	570.000	104,01%	102,94%
3	Nộp NSNN	Tr.đ	Theo LĐ	37.413	Theo LĐ		
4	LN SXKD trước thuế	Tr.đ	31.000	34.699	35.000	112,90%	100,87%
5	Lao động BQ (người/tháng)	Người	400	436	410	102,50%	94,04%
6	Thu nhập BQ (người/tháng)	1000đ	8.000	8.031	9.000	112,50%	112,07%
7	Cổ tức	%	18%	30%	20%	111,11%	66,67%

#### 3.2. Các biện pháp thực hiện

##### a) Công tác tổ chức nhân sự - tiền lương:

- Công tác tuyển dụng và đào tạo được thực hiện ngay từ đầu năm nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Bên cạnh đó, ưu tiên phương án luân chuyển nhân sự giữa các bộ phận nhằm tránh tăng quy mô lao động.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu của từng đơn vị, đáp ứng được mục tiêu của Công ty. Đặc biệt chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành các thiết bị mới đầu tư.
- Tiếp tục tuyển dụng thêm cán bộ quản lý cấp trung nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Liên tục rà soát đơn giá tiền lương, đặc biệt sau khi có những thay đổi mới về quy trình công nghệ, thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Xây dựng quy chế thưởng phạt nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc, tránh lãng phí.

##### b) Đầu tư - Kỹ thuật:

- Năm 2017, công tác đầu tư tiếp tục được triển khai nhằm hoàn thiện các hạng mục đã được HĐQT phê duyệt năm 2016. Hướng đến mở rộng quy mô nhà xưởng, mở rộng ngành hàng sản xuất và hoàn thiện các quy trình công nghệ cho thiết bị và sản phẩm mới.
- Ngoài ra, cũng sẽ tập trung đầu tư cho phân xưởng nhựa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng ngành hàng sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường và gia tăng tỷ lệ doanh thu ngành hàng nhựa trong tổng doanh thu công ty
- Quy hoạch và mở rộng khu làm việc của khối văn phòng

- Tăng cường công tác quản trị chất lượng sản phẩm. Nâng cao chất lượng bao bì sản phẩm.
- Rà soát chặt chẽ định mức vật tư tránh lãng phí, giảm giá thành sản phẩm. Phân đầu đưa năng suất lao động tăng 10% so với năm 2015.

#### c) Công tác tài chính:

- Đảm bảo quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo cung cấp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thanh toán đủ, đúng hạn các khoản lương, thưởng cho người lao động.
- Nghiên cứu, áp dụng quy trình quyết toán chuẩn cho các xưởng sản xuất góp phần quản trị tốt chi phí phân xưởng đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán chi phí trong năm 2016.
- Nghiên cứu, áp dụng quy trình quản lý hàng tồn kho, quản lý thanh toán xuất nhập khẩu trong Công ty và một số quy trình quản trị khác nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong công tác quản lý vốn Doanh nghiệp.

#### d) Kế hoạch - Thị trường:

##### Về công tác kế hoạch:

- Tiếp tục quy hoạch và mở rộng kho vật tư, hàng hóa.
- Tìm kiếm thêm nhà cung cấp để có được sự cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ cung cấp vật tư, hàng hóa.
- Đẩy mạnh kế hoạch sản xuất ngay từ đầu năm nhằm nâng cao khả năng chủ động ứng phó với thị trường trong tháng vụ

##### Về công tác thị trường, marketing:

- Triển khai các ứng dụng trong chiến lược thương hiệu mới
- Xác định và tập trung đầu tư cho 2 động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2017-2020 là hoạt động phát triển kênh phân phối và hoạt động R&D.
- Tiếp tục triển khai quản lý điểm bán bằng phần mềm trên quy mô khu vực miền bắc

#### e. Dự án 94 Lò Đúc và 25 Lý Thường Kiệt

##### Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt.

##### Về dự án 94 Lò Đúc:

- Xem xét lại năng lực và yêu cầu đối tác xây dựng lại kế hoạch đầu tư để HĐQT Công ty phê duyệt trước khi ký các văn bản pháp lý khác của dự án.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

#### a) Đặc điểm tình hình chung năm 2016

Năm 2016, kinh tế chính trị thế giới có nhiều biến động lớn làm ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP không đạt chỉ tiêu đề ra; một số ngành gặp khó vì thiên tai, hạn hán đã tác động mạnh đến mức tăng trưởng chung ... Tuy nhiên, về chủ đạo, kinh tế Việt Nam đã có nhiều cải thiện đáng kể. Năm 2016 ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục. Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp thành

lập mới đạt mức 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015. Tổng vốn đăng ký là 891,1 nghìn tỷ đồng, tăng 48,1%. Chỉ số giá tiêu dùng CPI cả năm 2016 tăng 4,74%. Trong nội tại Công ty, bên cạnh những thuận lợi như: thương hiệu Hồng Hà vẫn giữ được uy tín trong lòng người tiêu dùng; công trình 25 Lý Thường Kiệt hoàn thành và sử dụng, khai thác từ giữa năm 2013 đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty; sự đoàn kết nhất trí từ HĐQT đến Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty... Bên cạnh đó, Công ty vẫn phải đối mặt với những khó khăn. Khó khăn chủ yếu phải kể đến là tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường với sự tham gia của các đối tác nước ngoài rất mạnh về vốn và công nghệ. Tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng lậu vẫn tràn lan trên thị trường làm ảnh hưởng tới thương hiệu, uy tín của Công ty.

## b) Kết quả hoạt động SXKD 5 năm gần đây

### Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2012-2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	58.961	58.961	58.961	58.961	58.961
2	Doanh thu	Tr.đồng	462.463	494.078	698.680	520.115	553.717
	<i>DT từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>.-</i>	<i>2.828</i>	<i>211.314</i>	<i>.-</i>	<i>.-</i>
	<i>DT từ SXKD</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>462.463</i>	<i>491.250</i>	<i>487.366</i>	<i>520.115</i>	<i>553.717</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	19.052	19.500	107.751	55.494	34.699
	<i>LN từ hạch toán một lần cho thuê dài hạn tại 25 LTK</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>.-</i>	<i>.-</i>	<i>80.445</i>	<i>25.197</i>	<i>.-</i>
	<i>LN từ SXKD</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>19.052</i>	<i>19.500</i>	<i>27.306</i>	<i>30.297</i>	<i>34.699</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	15.874	12.198	83.937	43.209	27.165
5	Cổ tức	%VĐL	16%	16%	20%	25%	30%
6	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	.2.920	.2.069	13.951	.6.082	.3.686
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	Ng.đồng	.5.139	.5.243	.5.653	.7.013	.8.031

Số liệu trong chỉ tiêu "Doanh thu" của các năm 2011-2014 là số liệu đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2015, 2016. Từ năm 2015, Công ty thực hiện hạch toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015).

Như vậy, trong giai đoạn 5 năm từ 2012 đến 2016, doanh thu từ SXKD của Công ty đã tăng trung bình ở mức 5% một năm, trong khi lợi nhuận từ SXKD tăng trung bình ở mức trên 15% một năm. Đây là mức tăng doanh thu, lợi nhuận tương đối khả quan của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế chung có nhiều biến động. Đặc biệt, trong hai năm 2014 và 2015, với sự tăng trưởng tốt lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Công ty đã tăng mức cổ tức cho cổ đông từ mức 16% lên 30% vốn điều lệ.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty gồm có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ban điều hành Công ty được HĐQT bổ nhiệm theo đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty và năng lực của cá nhân. Thành viên Ban điều hành Công ty đều là những người đã gắn

bó lâu năm với Công ty, có hiểu biết về hoạt động SXKD của Công ty và có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao phó.

Năm 2016, Ban điều hành Công ty đã tham mưu cho HĐQT trong tất cả các mặt liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, góp phần quan trọng để hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

### 3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017 nói riêng và giai đoạn 2016-2020 nói chung, HĐQT đánh giá vẫn là giai đoạn khó khăn đối với Công ty. Cạnh tranh trên thị trường văn phòng phẩm sẽ ngày càng khốc liệt, đặc biệt là sau khi các hiệp định tự do thương mại có hiệu lực; một số khoản chi phí sẽ tăng cao (mà không làm tăng doanh thu) do chính sách của Nhà nước thay đổi như: chi phí thuê đất, chi phí bảo hiểm bắt buộc và các khoản trích lập theo lương sẽ tăng đột biến ... Trong tình hình mới, HĐQT sẽ phải tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Định hướng của HĐQT sẽ tập trung vào một số mặt sau:

#### 3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu kế hoạch năm 2017: 570 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2017: 35 tỷ đồng
- Lương trung bình dự kiến năm 2017: 9 triệu đồng/người/tháng
- Dự kiến cổ tức 2017: 20% vốn điều lệ

#### 3.2. Về triển khai các dự án

Về dự án 25 Lý Thường Kiệt:

- Theo dõi và chỉ đạo hoàn thiện quyết toán công trình 25 Lý Thường Kiệt.
- Ban Tổng giám đốc phải có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ cung cấp tại tòa nhà đồng thời tăng tỷ lệ lấp đầy của tòa nhà trong năm 2017.

Về dự án 94 Lò Đúc:

Xem xét lại năng lực và yêu cầu đối tác xây dựng lại kế hoạch đầu tư để HĐQT Công ty phê duyệt trước khi ký các văn bản pháp lý khác của dự án.

#### 3.3. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020

##### Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TT 2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu	553.717	570.000	650.000	750.000	900.000
2	LN từ SXKD	34.699	35.000	36.000	43.000	60.000
3	Vốn điều lệ	58.961	58.961	72.000	80.000	100.000
4	Cổ tức	30%	20%	20%	20%	20%
5	Tỷ suất LN/DT	6,27%	6,14%	5,54%	5,73%	6,67%

Như vậy, mục tiêu đến hết năm 2020, doanh thu của Công ty sẽ chạm mốc 900 tỷ đồng, lợi nhuận chạm mốc 60 tỷ đồng. Cùng với việc tăng doanh thu và lợi nhuận, Công ty sẽ có lộ trình tăng vốn điều lệ tương ứng để giảm bớt sức ép về chi phí và tăng tốc độ quay vòng vốn từ đó tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

HDQT Công ty nhất quán với chủ trương:

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển ngành nghề SXKD chính, giữ vững mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực SXKD văn phòng phẩm, giấy vở và đồ dùng học tập;
- Tiếp tục đầu tư phát triển thương hiệu "Hồng Hà".
- Xác định việc kinh doanh bất động sản là một lợi thế, một nguồn lực lớn hỗ trợ hoạt động SXKD chính của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách Hội đồng quản trị (đến thời điểm lập báo cáo này)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Sỹ Dũng	Chủ tịch HĐQT	TV độc lập	330.760	5,61%
2	Bùi Kỳ Phát	Phó CT HĐQT	TV độc lập	391.855	6,65%
3	Trương Quang Luyện	TV HĐQT		108.289	1,84%
4	Đào Thị Mai Hạnh	TV HĐQT		70.775	1,20%
5	Nguyễn Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	116.880	1,98%
6	Bùi Quốc Giang	TV HĐQT	TV độc lập	885.000	15,01%
7	Phan Hưng	TV HĐQT	TV độc lập	-	0,00%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.903.559</b>	<b>32,29%</b>

#### 1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2016

- Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành 7 cuộc họp định kỳ/mở rộng. Các thành viên HĐQT đều trực tiếp tham dự đầy đủ các cuộc họp này.
- Năm 2016, HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết và 8 Quyết định để thông qua và quyết định các vấn đề như: Thông qua Kế hoạch cũng như tình hình SXKD hàng quý năm 2016; Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2016; Các Phương án huy động vốn và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư; Tạm ứng cổ tức năm 2016 và các chương trình công tác của các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định do HĐQT ban hành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

#### 1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành

- Tổ chức họp và thẩm định các Báo cáo và Tờ trình của Tổng giám đốc Công ty về việc tổng kết cũng như kế hoạch hoạt động SXKD, phương án vay vốn Ngân hàng, tiến độ và phương án triển khai đối với các dự án đầu tư.
- HĐQT đã trao đổi, thảo luận với Ban điều hành về việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được ĐHCĐ thường niên thông qua ngày 29/04/2016, để đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.
- Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty để nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, đóng góp ý kiến với Tổng giám đốc cũng như Ban điều hành Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đề ra. HĐQT luôn trao đổi cởi mở và bàn bạc chi tiết với những ý kiến đóng góp cũng như đề xuất của Ban kiểm soát. Các ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và cân nhắc khi HĐQT hoặc Tổng giám đốc ra quyết định.

- HĐQT luôn đưa ra Nghị quyết sau mỗi buổi họp thường kỳ hoặc bất thường để thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty, kế hoạch SXKD của quý tiếp theo và các biện pháp triển khai để Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

#### 1.4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban. HĐQT phân công công việc cho từng thành viên HĐQT phụ trách riêng về các vấn đề như sản xuất, lương thưởng, nhân sự, tài chính, đầu tư, kinh doanh ... Các thành viên đã nỗ lực hết sức để đảm nhận tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Danh sách Ban kiểm soát (đến thời điểm lập báo cáo này)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần HHA sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nông Văn Quyết	Trưởng BKS	4.408	0,07%
2	Tạ Quốc Bình	TV BKS	732.228	12,42%
3	Bùi Thị Thuý	TV BKS	3.644	0,06%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>740.280</b>	<b>12,56%</b>

### 2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong ban và hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát đã duy trì họp hàng quý theo quy định với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát; mặt khác thường xuyên liên hệ với bộ máy quản lý điều hành để nắm tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thực hiện trao đổi trực tiếp và đề xuất, kiến nghị trong các cuộc họp HĐQT các vấn đề có liên quan đến xây dựng các quy chế, tăng cường các biện pháp quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành đã giúp Ban kiểm soát hoàn thành được những nhiệm vụ được giao, đóng góp những kết quả thiết thực trong công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- Chương trình hoạt động của Ban kiểm soát tập trung vào những nội dung chính sau đây:
  - Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
  - Theo dõi việc thu hồi tài sản của Công ty và hạch toán kế toán liên quan đến vụ việc Hoàng Đình Thắng chiếm đoạt tài sản của Công ty.
  - Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm.
  - Rà soát việc xây dựng và thực hiện các quy định trong quản lý nội bộ của Công ty.
  - Đánh giá các lĩnh vực trong hoạt động SXKD.
  - Theo dõi việc thực hiện những khuyến nghị của Ban kiểm soát đã đưa ra.

### 2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

#### a) Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty

- Ban kiểm soát đã theo dõi việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. Cùng Công ty kiểm toán rà soát quy trình kiểm toán và các yếu tố loại trừ nhằm ngăn ngừa những sai sót trong quá trình kiểm toán.

- Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán của Công ty được lập ngày 25/03/2017 theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **b) Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD. Ban điều hành đã nghiêm túc thực hiện các quy chế và nghị quyết mà HĐQT đã ban hành. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính trong hoạt động SXKD mà ĐHCĐ năm 2016 đã thông qua. Tuy nhiên, Công ty cũng cần nghiên cứu, tìm ra những giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác quản lý, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

#### **3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

ĐHCĐ thường niên năm 2016 đã thông qua tổng thù lao của HĐQT năm 2016 là 576 triệu đồng, tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2016 là 132 triệu đồng. Công ty đã chi đúng, chi đủ số thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết mà ĐHCĐ thường niên 2016 đã thông qua.


#### **4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan**

*(Bảng Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan trong năm 2016 đính kèm Báo cáo này)*

### **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016**

*(Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán được đính kèm theo Báo cáo này, đồng thời cũng đã được đăng tải trên website Công ty từ ngày 30/03/2017)*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
**TRƯƠNG QUANG LUYẾN**

## MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG .....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	1
3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu Bộ máy quản lý .....	3
4. Định hướng phát triển.....	6
5. Các rủi ro .....	6
5.1. Rủi ro về kinh tế vĩ mô và kinh tế ngành.....	6
5.2. Rủi ro về luật pháp .....	7
5.3. Rủi ro đặc thù .....	7
5.4. Rủi ro về tài chính .....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2016.....	9
1. Tình hình hoạt động SXKD.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
2.1. Danh sách Ban điều hành .....	9
2.2. Lực lượng lao động và chính sách nhân sự .....	10
3. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB và thực hiện các dự án.....	11
3.1. Công tác quản lý kỹ thuật, đầu tư thiết bị - XDCB .....	11
3.2. Kết quả triển khai các dự án .....	11
4. Tình hình tài chính.....	11
4.1. Tình hình tài chính.....	11
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	12
5.1. Cổ phần.....	12
5.2. Cơ cấu cổ đông .....	13
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH .....	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2016 .....	14
a) Thuận lợi .....	14
b) Khó khăn .....	15
c) Tình hình hoạt động SXKD năm 2016.....	15
2. Tình hình tài chính.....	16
a) Tình hình tài sản.....	16
b) Tình hình nợ phải trả.....	16
3. Kế hoạch năm 2017 .....	17
3.1. Một số chỉ tiêu tài chính dự kiến năm 2017 .....	17
3.2. Các biện pháp thực hiện .....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	18
1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty .....	18
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty .....	19
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị .....	20
3.1. Các chỉ tiêu chủ yếu .....	20
3.2. Về triển khai các dự án.....	20
3.3. Phương hướng SXKD của Công ty giai đoạn 2016-2020 .....	20
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	21
1. Hội đồng quản trị.....	21
1.1. Danh sách Hội đồng quản trị (đến thời điểm lập báo cáo này).....	21
1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2016 .....	21
1.3. Các hoạt động giám sát của HĐQT với Ban điều hành.....	21
1.4. Hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	22
2. Ban kiểm soát .....	22
2.1. Danh sách Ban kiểm soát (đến thời điểm lập báo cáo này).....	22
2.2. Các hoạt động của Ban kiểm soát.....	22
2.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.....	22
3. Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	23
4. Giao dịch cổ phiếu HHA của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan .....	23
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016.....	23



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Võ Sỹ Dờng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 14/11/2016)
Ông Trương Quang Luyến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/11/2016)
	Thành viên (từ ngày 14/11/2016)
Ông Bùi Kỳ Phát	Phó chủ tịch
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hưng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)
Ông Phan Hưng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2016)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trương Quang Luyến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Mạnh Ánh	Phó Tổng giám đốc
Bà Đào Thị Mai Hạnh	Phó Tổng giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

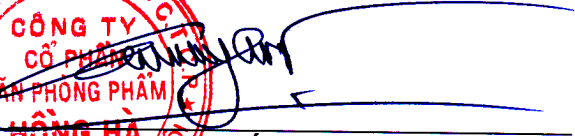
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



  
Trương Quang Luyện  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

200  
C  
ÁCH  
KIẾ  
AI  
94 T.

Số: 71/2017/AVI-TC1-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2017 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vũ Bình Minh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0034-2015-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

**Đoàn Thu Hằng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
1396-2015-055-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>221.440.333.768</b>	<b>215.454.510.886</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>12.904.601.468</b>	<b>16.669.374.388</b>
1. Tiền	111		12.904.601.468	6.450.031.755
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.219.342.633
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.318.267.234</b>	<b>26.730.990.668</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.240.738.951	7.578.915.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.181.444.513	7.950.941.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.978.358.203	13.292.564.111
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.082.274.433)	(2.091.431.263)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>165.807.912.251</b>	<b>165.519.497.304</b>
1. Hàng tồn kho	141		167.687.385.472	165.519.497.304
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.879.473.221)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.409.552.815</b>	<b>6.534.648.526</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	654.307.188	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.228.973.399
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.755.245.627	3.305.675.127
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>247.605.883.587</b>	<b>230.681.559.837</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>48.499.877.998</b>	<b>298.766.864</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	48.499.877.998	298.766.864
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84.191.207.365</b>	<b>77.984.913.778</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	76.379.682.782	70.521.239.195
- Nguyên giá	222		158.073.657.888	141.537.834.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.693.975.106)	(71.016.595.440)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7.811.524.583	7.463.674.583
- Nguyên giá	228		8.790.234.750	8.314.234.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(978.710.167)	(850.560.167)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>106.237.839.700</b>	<b>101.613.615.806</b>
- Nguyên giá	231		176.133.510.949	166.715.475.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(69.895.671.249)	(65.101.859.893)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.141.672.825</b>	<b>49.790.725.316</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.141.672.825	49.790.725.316
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>535.285.699</b>	<b>993.538.073</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	535.285.699	993.538.073
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>469.046.217.355</b>	<b>446.136.070.723</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

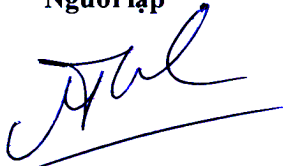
**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>335.622.424.906</b>	<b>317.785.610.759</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>160.711.837.642</b>	<b>143.698.591.281</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.495.013.713	59.327.103.170
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		419.238.773	134.768.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.286.818.138	295.652.221
4. Phải trả người lao động	314		12.928.668.953	8.253.773.582
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.924.212.939	3.103.772.254
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.276.166.440	1.624.389.871
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.294.883.620	4.815.858.740
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	75.780.773.169	65.187.962.383
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.306.061.897	955.310.535
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>174.910.587.264</b>	<b>174.087.019.478</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	48.186.970.632	48.957.880.774
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	68.415.091.199	71.820.613.271
3. Phải trả dài hạn khác	337	19	58.308.525.433	53.308.525.433
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>133.423.792.449</b>	<b>128.350.459.964</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>133.323.792.449</b>	<b>128.250.459.964</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.961.000.000	58.961.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.961.000.000	58.961.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.374.225.455	17.374.225.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.542.149.721	4.900.411.071
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.806.130.187	3.806.130.187
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.640.287.086	43.208.693.251
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.475.400.613	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.164.886.473	43.208.693.251
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		100.000.000	100.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>469.046.217.355</b>	<b>446.136.070.723</b>

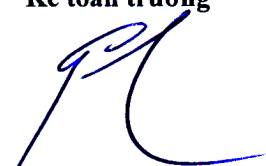
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016


**MẪU SỐ B02- DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	530.320.388.657	496.331.490.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.577.364.853	257.278.967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		528.743.023.804	496.074.211.785
4. Giá vốn hàng bán	11	25	382.165.529.709	344.055.491.355
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.577.494.095	152.018.720.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	113.822.476	466.080.447
7. Chi phí tài chính	22	27	6.547.661.847	3.986.361.699
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.209.433.127	3.817.333.860
8. Chi phí bán hàng	25	28	80.470.173.503	74.044.713.694
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	24.868.940.800	20.340.833.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.804.540.421	54.112.891.664
11. Thu nhập khác	31	31	1.442.765.603	2.652.182.489
12. Chi phí khác	32	32	1.548.135.499	1.271.453.324
13. Lợi nhuận khác	40		(105.369.896)	1.380.729.165
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.699.170.525	55.493.620.829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	7.534.284.052	12.284.927.578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.164.886.473	43.208.693.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.686	6.082

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập



Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc



Trương Quang Luyến




**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

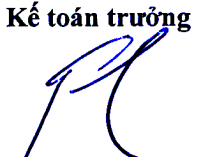
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.699.170.525	55.493.620.829
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.220.499.656	17.542.567.583
- Các khoản dự phòng	03	2.870.316.391	(746.836.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(69.519)	(96.553)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(478.649.713)	(527.267.363)
- Chi phí lãi vay	06	4.209.433.127	3.817.333.860
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.520.700.467	75.579.321.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(52.189.100.121)	22.482.728.520
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.167.888.168)	(15.120.900.597)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	37.737.463.384	782.018.926
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(196.054.814)	1.264.918.707
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.133.657.859)	(3.903.576.423)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.006.139.194)	(12.376.108.794)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	65.420.000	13.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.065.972.626)	(1.479.034.690)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>28.564.771.069</b>	<b>67.242.767.436</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.734.872.489)	(25.077.280.395)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	492.204.000	215.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112.444.195	461.932.829
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(31.130.224.294)</b>	<b>(24.400.347.566)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	371.511.000.019	273.779.936.499
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(360.918.189.233)	(292.179.154.464)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.792.200.000)	(15.917.904.590)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(1.199.389.214)</b>	<b>(34.317.122.555)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(3.764.842.439)</b>	<b>8.525.297.315</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>16.669.374.388</b>	<b>8.143.980.520</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	69.519	96.553
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>12.904.601.468</b>	<b>16.669.374.388</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

Người lập  
  
Nguyễn Kiêm Mạnh

Kế toán trưởng  
  
Nguyễn Quang Vũ

Tổng Giám đốc  
  
Trương Quang Luyện



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010462 ngày 28/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0100100216 ngày 03/03/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 58.961.000.000 đồng, tương ứng với 5.896.100 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 407 người (tại ngày 31/12/2015 là 394 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ văn phòng phẩm);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- In ấn;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

....

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nhà máy sản xuất của Công ty đặt tại số 672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà (TP.Hà Nội)	Số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà tại Đà Nẵng	Số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

### 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi

nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị quản lý	04 - 08

Trong năm, Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản thuộc nhóm máy móc thiết bị.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất phản ánh khoản tiền Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 23-25 đường Yên Thế, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và tại số 47 Độc Lập, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty không thực hiện trích khấu hao với quyền sử dụng đất này.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại 25 Lý Thường Kiệt do Công ty xây dựng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá trị công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 năm.

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là giá trị tạm tăng. Nguyên giá của bất động sản đầu tư nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty đã hoàn thành việc đầu tư dự án xây dựng tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121000052 điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 12/12/2012. Theo Quyết định số 219/QĐ –GVN.HN ngày 23/6/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 472,267 tỷ đồng, trong đó mức đầu tư tương ứng với phần diện tích Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà được phép sử dụng, khai thác là 241,426 tỷ đồng. Hiện tại, công trình đã được bàn giao đưa vào sử dụng, Công ty đang tiến hành các thủ tục để quyết toán công trình.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê nhà, chi phí sửa chữa cải tạo phân xưởng và các chi phí khác.

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ phân bổ 50% ngay khi phát sinh chi phí và 50% còn lại được phân bổ ở năm tài chính tiếp theo.

Chi phí tiền thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê thực tế phát sinh. Các khoản chi phí thuê nhà có thời gian dưới 12 tháng được theo dõi là chi phí trả trước ngắn hạn, các khoản chi phí thuê nhà có thời gian trên 12 tháng được theo dõi là khoản chi phí trả trước dài hạn.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả thầu phụ; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định..., trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã được khách hàng nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, được trích trước vào giá vốn để phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh trong kỳ do nhà thầu đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu, xuất hóa đơn;

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.





Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm tài chính 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 35.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	699.157.352	733.591.008
Tiền gửi ngân hàng	12.205.444.116	5.716.440.747
Các khoản tương đương tiền	-	10.219.342.633
<b>Cộng</b>	<b>12.904.601.468</b>	<b>16.669.374.388</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building	2.016.387.509	691.936.262
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phát Triển A Và T	1.622.376.972	1.223.067.602
Công ty TNHH Tân Thành Phương	1.495.552.421	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.106.422.049	5.663.912.036
<b>Cộng</b>	<b>13.240.738.951</b>	<b>7.578.915.900</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.978.358.203</b>	-	<b>13.292.564.111</b>	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	-	3.701.666.283	-
Ký cược, ký quỹ	112.756.160	-	100.520.000	-
Tạm ứng	785.147.600	-	416.045.890	-
Cổ tức đã tạm ứng (*)	5.894.534.590	-	8.842.584.590	-
Phải thu khác	185.919.853	-	231.747.348	-
<b>Dài hạn</b>	<b>48.499.877.998</b>	-	<b>298.766.864</b>	-
Ký cược, ký quỹ	99.877.998	-	298.766.864	-
Tổng Công ty Giấy Việt Nam (**)	48.400.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.478.236.201</b>	-	<b>13.591.330.975</b>	-

(\*): Trong năm 2016, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐQT ngày 27/07/2016. Tổng số tiền cổ tức tạm ứng trong năm 2016 tương đương 10% vốn điều lệ, được Công ty theo dõi và ghi nhận ở tài khoản 338 – Phải trả khác. Số cổ tức này sẽ được quyết toán và ghi giảm tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt.

(\*\*): Khoản phải thu còn lại Tổng công ty Giấy Việt Nam liên quan đến phần diện tích Tổng công ty được khai thác, sử dụng của công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng đang đi trên đường	4.082.183.424	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.087.272.375	(1.879.473.221)	56.346.572.704	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	7.538.333.227	-	10.184.603.372	-
Thành phẩm	66.833.350.099	-	51.027.045.929	-
Hàng hoá	51.146.246.347	-	47.961.275.299	-
<b>Cộng</b>	<b>167.687.385.472</b>	<b>(1.879.473.221)</b>	<b>165.519.497.304</b>	<b>-</b>

(\*): Bao gồm giá trị nguyên vật liệu tồn tại các phân xưởng chưa đưa vào sản xuất tại ngày 31/12/2016 là 4.244.783.039 tỷ đồng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>654.307.188</b>	<b>-</b>
Chi phí thuê nhà	654.307.188	-
<b>Dài hạn</b>	<b>535.285.699</b>	<b>993.538.073</b>
Chi phí thuê nhà	-	763.788.128
Công cụ dụng cụ	462.140.902	208.557.945
Chi phí khác	73.144.797	21.192.000
<b>Cộng</b>	<b>1.189.592.887</b>	<b>993.538.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. NỢ XẤU**

**MẪU SỐ B09 - DN**

**31/12/2016**

**01/01/2016**

	Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị		Thời gian phát sinh	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
					VND	VND				
Công ty TNHH TM Quảng Cáo & Bao Bì Ngọc Phát	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	-	Trên 3 năm	780.129.069	(780.129.069)	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (*)	Trên 3 năm	1.622.376.972	(1.622.376.972)	-	-	Trên 3 năm	1.223.067.602	(611.533.802)	611.533.800	-
Công ty TNHH Tuấn Phương	Trên 3 năm	450.550.297	(450.550.297)	-	-	Trên 3 năm	470.550.297	(470.550.297)	-	-
DNTN Vũ & Vy	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	-	Trên 3 năm	229.218.095	(229.218.095)	-	-
<b>Cộng</b>		<b>3.082.274.433</b>	<b>(3.082.274.433)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>2.702.965.063</b>	<b>(2.091.431.263)</b>	<b>611.533.800</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Phát triển A & T (viết tắt là “Công ty A&T”) là khoản phải thu về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, Công ty A&T đã không thanh toán cho Công ty theo quy định của hợp đồng, do đó Công ty đã kiện Công ty A&T ra tòa án dân sự để thu hồi công nợ. Tòa án nhân dân quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án và xử phiên sơ thẩm, tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phiên phúc thẩm. Đến ngày 26/05/2016, các bên đã thực hiện hòa giải và có biên bản hòa giải Thành của Tòa án Nhân dân quận 2 thành phố Hồ Chí Minh về toàn bộ nợ gốc (phát sinh từ hợp đồng thuê và các biên bản làm việc, đối chiếu công nợ) là 1.622.376.972 đồng, Công ty A&T sẽ thanh toán làm 3 lần. Trong đó, thanh toán lần đầu vào 30/08/2016 và lần cuối chậm nhất đến ngày 28/02/2017. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty A&T chưa thanh toán được số tiền nợ. Công ty đang xúc tiến thu hồi công nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số trích lập tương ứng 100% giá trị phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃ SỐ B09 - DN

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	60.145.670.847	73.740.627.992	5.229.896.802	2.421.638.994	141.537.834.635
Mua trong năm	-	13.772.514.423	2.987.380.002	-	16.759.894.425
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.437.713.794	-	-	-	2.437.713.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.368.315.918)	(293.469.048)	-	(2.661.784.966)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>62.583.384.641</b>	<b>85.144.826.497</b>	<b>7.923.807.756</b>	<b>2.421.638.994</b>	<b>158.073.657.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2016	24.931.102.085	40.456.791.501	3.954.393.103	1.674.308.751	71.016.595.440
Khấu hao trong năm	2.683.376.621	9.961.111.000	494.734.581	159.316.098	13.298.538.300
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.327.689.586)	(293.469.048)	-	(2.621.158.634)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>27.614.478.706</b>	<b>48.090.212.915</b>	<b>4.155.658.636</b>	<b>1.833.624.849</b>	<b>81.693.975.106</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2016	35.214.568.762	33.283.836.491	1.275.503.699	747.330.243	70.521.239.195
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>34.968.905.935</b>	<b>37.054.613.582</b>	<b>3.768.149.120</b>	<b>588.014.145</b>	<b>76.379.682.782</b>

*Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng*

8.322.204.482 26.773.276.995 3.411.152.845 1.391.572.758 39.898.207.080

Một số tài sản cố định thuộc nhóm Nhà cửa vật kiến trúc được Công ty thế chấp cho Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 20 – Vay và nợ thuế tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	6.708.372.500	1.605.862.250	8.314.234.750
Mua trong năm	-	476.000.000	476.000.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>6.708.372.500</u>	<u>2.081.862.250</u>	<u>8.790.234.750</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	850.560.167	850.560.167
Khấu hao trong năm	-	128.150.000	128.150.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>-</u>	<u>978.710.167</u>	<u>978.710.167</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	<u>6.708.372.500</u>	<u>755.302.083</u>	<u>7.463.674.583</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>6.708.372.500</u></u>	<u><u>1.103.152.083</u></u>	<u><u>7.811.524.583</u></u>

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	166.715.475.699	166.715.475.699
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.418.035.250	9.418.035.250
Tại ngày 31/12/2016	<u>176.133.510.949</u>	<u>176.133.510.949</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2016	65.101.859.893	65.101.859.893
Khấu hao trong năm	4.793.811.356	4.793.811.356
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>69.895.671.249</u>	<u>69.895.671.249</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2016	<u>101.613.615.806</u>	<u>101.613.615.806</u>
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>106.237.839.700</u></u>	<u><u>106.237.839.700</u></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công trình 25 Lý Thường Kiệt (*)	1.020.916.145	49.704.378.316
Cải tạo nhà xưởng và kho cơ sở 2	6.880.794.091	-
Nhà 94 Lò Đúc	13.587.000	13.587.000
Mua sắm TSCĐ	226.375.589	72.760.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.141.672.825</u></b>	<b><u>49.790.725.316</u></b>

(\*): Công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội được xây dựng theo Hợp đồng hợp tác xây dựng, khai thác và kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà, Tổng công ty Giấy Việt Nam với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (viết tắt “ Thuận An Building”), chi tiết:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 18/2008/HĐHTĐTKD ngày 30/05/2008, Thuận An Building góp vốn đầu tư xây dựng phần diện tích công trình để khai thác, kinh doanh tạm tính là 3.932 m2 gồm diện tích sàn tầng 3, 4, 5, 6 (983m2/tầng). Sau khi công trình hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, Thuận An Building được ký hợp đồng thuê văn phòng tương ứng phần diện tích đã góp vốn trong thời gian hoạt động còn lại của Công trình theo hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 18/2009/HĐHTKD ngày 21/07/2009, Thuận An Building đầu tư xây dựng 100% toàn phần diện tích tăng thêm từ 09 tầng lên 13 tầng của công trình dự án để được hưởng 50% toàn bộ diện tích tăng thêm nhằm sử dụng, quản lý, khai thác và kinh doanh.
- Trong quy định của các hợp đồng hợp tác nêu trên, quyền được thuê và sử dụng được chuyển giao cho Thuận An Building hoặc một bên khác do Thuận An Building chỉ định. Bên khác do Thuận An Building chỉ định tại các phụ lục hợp đồng hợp tác là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thuận An Holding.

Hiện tại, Công ty đang tiến hành quyết toán giá trị công trình hoàn thành của dự án này, theo đó nguyên giá của bất động sản đầu tư phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 của Công ty là giá trị tạm tăng. Giá trị của dự án nêu trên có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH Một thành viên	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215	11.065.115.215
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	4.462.195.222	4.462.195.222	19.231.299.138	19.231.299.138
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS	1.711.165.700	1.711.165.700	2.711.165.700	2.711.165.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Việt Nam	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900	1.874.162.900
Chi nhánh Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	2.215.935.038	2.215.935.038	189.716.945	189.716.945
Công ty Cổ phần Giấy và Bao Bì Việt Thắng	6.844.956.986	6.844.956.986	3.848.511.536	3.848.511.536
Phải trả cho các đối tượng khác	13.321.482.652	13.321.482.652	20.407.131.736	20.407.131.736
<b>Cộng</b>	<b>41.495.013.713</b>	<b>41.495.013.713</b>	<b>59.327.103.170</b>	<b>59.327.103.170</b>

Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	-	-	2.265.934.103	2.265.934.103

Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	18.024.413.899	16.774.254.621	1.250.159.278
Thuế Nhập khẩu	-	457.749.087	457.749.087	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(2.734.551.391)	7.536.777.532	8.006.139.194	(3.203.913.053)
Thuế Thu nhập cá nhân	(15.670.202)	1.283.865.522	1.231.969.156	36.226.164
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	295.652.221	595.394.026	890.613.551	432.696
Thuế đất	-	170.570.988	170.570.988	-
Tiền thuế đất	(551.332.574)	9.594.732.202	9.594.732.202	(551.332.574)
Các loại thuế, phí khác	(4.120.960)	207.034.132	202.913.172	-
<b>Cộng</b>	<b>(3.010.022.906)</b>	<b>37.870.537.388</b>	<b>37.328.941.971</b>	<b>(2.468.427.489)</b>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>295.652.221</i>			<i>1.286.818.138</i>
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>3.305.675.127</i>			<i>3.755.245.627</i>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.924.212.939</b>	<b>3.103.772.254</b>
Chi phí lãi vay và lãi nhận ký quỹ	216.394.238	140.618.970
Chi phí xây dựng cơ bản	6.808.749.545	-
Chi phí khuyến mại	3.984.770.868	2.963.153.284
Chi phí khác	914.298.288	-
<b>Dài hạn</b>	<b>48.186.970.632</b>	<b>48.957.880.774</b>
Chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại 25 Lý Thường Kiệt (i)	48.186.970.632	48.957.880.774
<b>Cộng</b>	<b>60.111.183.571</b>	<b>52.061.653.028</b>

(i) Khoản chi phí thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của Dự án tòa nhà văn phòng “Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt tương ứng với phần diện tích sử dụng đã cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Thuận An Building thuê đến năm 2057 do Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu cho thuê mặt bằng với Công ty này đến năm 2057 vào kết quả kinh doanh năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.276.166.440</b>	<b>1.624.389.871</b>
Doanh thu cho thuê văn phòng tại 25 Lý Thường Kiệt	1.276.166.440	1.624.389.871
<b>Dài hạn</b>	<b>68.415.091.199</b>	<b>71.820.613.271</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	57.144.402.112	58.555.363.948
Ngô Thị Bích Hạnh và Nguyễn Phan Quang Bình (ii)	9.608.555.568	9.608.555.568
Công ty TNHH Bình Hạnh Đan (ii)	1.662.133.519	3.656.693.755
<b>Cộng</b>	<b><u>69.691.257.639</u></b>	<b><u>73.445.003.142</u></b>

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là doanh thu nhận trước về tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt.

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 18/2013/HĐ-TVP ngày 06/11/2013 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với thời gian thuê từ ngày 10/11/2013 đến ngày 08/07/2057. Khu vực thuê tại tầng 1, 2 tòa nhà văn phòng với tổng diện tích thuê 584m<sup>2</sup>. Tổng tiền thuê cả kỳ là 61.612.000.000 đồng.

(ii) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 19/2013/HĐ-TVP ngày 12/12/2013 với ông Nguyễn Phan Quang Bình và bà Ngô Thị Bích Hạnh – bên thuê ban đầu (ông Bình và bà Hạnh) và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2014 bổ sung bên thuê bổ sung là Công ty TNHH Bình Hạnh Đan thuê tại khu vực tầng 11 của tòa nhà. Theo đó, thời hạn thuê của bên thuê bổ sung - Công ty TNHH Bình Hạnh Đan là từ 25/11/2013 đến 25/11/2017 (4 năm thuê đầu tiên) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 7.978.240.932 đồng và thời hạn thuê của bên thuê ban đầu - ông Bình và bà Hạnh là từ 26/11/2017 đến 08/07/2057 (thời gian thuê còn lại) với tổng số tiền thuê chưa thuế GTGT là 9.608.555.568 đồng.

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.294.883.620</b>	<b>4.815.858.740</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.671.883.620	4.815.858.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	623.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>58.308.525.433</b>	<b>53.308.525.433</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.217.616.342	1.217.616.342
- Tổng Công ty Giấy Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và dịch vụ Thuận An Building (i)	54.090.909.091	49.090.909.091
<b>Cộng</b>	<b><u>67.603.409.053</u></b>	<b><u>58.124.384.173</u></b>

(i) Số dư phải trả Tổng công ty Giấy Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ Thuận An Building là số tiền góp vốn đầu tư xây dựng công trình tòa nhà văn phòng “ Trung tâm thương mại và giới thiệu sản phẩm” tại địa điểm 25 Lý Thường Kiệt theo các quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh đã nêu ở Thuyết minh số 14 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN PHÒNG PHẠM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

### 20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>75.780.773.169</b>	<b>75.780.773.169</b>	<b>371.511.000.019</b>	<b>360.918.189.233</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>65.187.962.383</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (i)	57.987.023.749	57.987.023.749	306.667.183.903	304.590.510.108	55.910.349.954	55.910.349.954
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	-	-	23.991.455.869	30.049.068.298	6.057.612.429	6.057.612.429
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	16.398.749.420	16.398.749.420	40.552.360.247	24.153.610.827	-	-
Vay cá nhân (iii)	1.395.000.000	1.395.000.000	300.000.000	2.125.000.000	3.220.000.000	3.220.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>75.780.773.169</b>	<b>75.780.773.169</b>	<b>371.511.000.019</b>	<b>360.918.189.233</b>	<b>65.187.962.383</b>	<b>65.187.962.383</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng hạn mức sau:

- o Hợp đồng tín dụng số 01/15/HM/VCB.CD-VPPHH ngày 02/07/2015, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/01/2016 gia hạn thời gian rút vốn đến hết ngày 30/06/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 14/04/2016, thay đổi hạn mức cho vay, hạn mức cho vay mới là 100 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng.
- o Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM/VCB.CD – VPPHH ngày 05/09/2016, hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn rút vốn là hết ngày 31/3/2017 với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng.

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội theo Biên bản định giá lại tài sản bảo đảm ngày 30/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương và Công ty. Tổng giá trị định giá lại của tài sản thế chấp là 131 tỷ đồng.

(ii) Khoản vay ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2907/VIB – VPPHH ký ngày 01/08/2016, hạn mức cho vay là 30 tỷ, thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay và thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ tối đa không quá 6 tháng. Bên vay cam kết doanh số chuyển khoản trực tiếp về ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam tối thiểu 15% doanh thu, 100% doanh thu đối với các hợp đồng do VIB mở L/C phát hành bảo lãnh về tài khoản của mình.

(iii) Khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn vay không xác định cụ thể, lãi suất vay áp dụng theo thông báo của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	58.961.000.000	17.374.225.455	-	-	-	-	-	-	22.177.476.174	98.512.701.629		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	43.208.693.251	43.208.693.251		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.900.411.071	3.806.130.187	(22.177.476.174)	(13.470.934.916)					
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>4.900.411.071</b>	<b>3.806.130.187</b>	<b>43.208.693.251</b>	<b>128.250.459.964</b>						
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	27.164.886.473	27.164.886.473		
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	8.641.738.650	(30.733.292.638)	(22.091.553.988)						
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>58.961.000.000</b>	<b>17.374.225.455</b>	<b>13.542.149.721</b>	<b>3.806.130.187</b>	<b>39.640.287.086</b>	<b>133.323.792.449</b>						

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Ông Bùi Kỳ Phát	6,17%	3.638.550.000		3.638.550.000
Ông Bùi Quốc Giang	15,01%	8.850.000.000		8.850.000.000
Ông Tạ Quốc Bình	12,42%	7.322.280.000		7.322.280.000
Ông Võ Sỹ Dờng	5,61%	3.307.600.000		3.307.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,79%	35.842.570.000		35.842.570.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>58.961.000.000</b>		<b>58.961.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, chia cổ tức và phân phối lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	58.961.000.000	58.961.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	58.961.000.000	58.961.000.000
<b>Lợi nhuận đã chia</b>	<b>30.733.292.638</b>	<b>22.177.476.174</b>
<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>	<b>30.733.292.638</b>	<b>22.177.476.174</b>
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	8.641.738.650	4.900.411.071
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	3.806.130.187
- Chia cổ tức	14.740.250.000	11.792.200.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.351.303.988	1.678.734.916
<b>Phân phối lợi nhuận năm nay</b>	-	-

(\*): Lợi nhuận năm 2015 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016 của Công ty.

**Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.896.100	5.896.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu phổ thông	5.896.100	5.896.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>		
- Đối tượng Hoàng Đình Thắng	84.871.423.319	84.871.423.319
<b>Ngoại tệ</b>		
- USD	374,55	1.097,25

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	496.980.077.355	472.481.512.223
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.340.311.302	23.849.978.529
<b>Cộng</b>	<b><u>530.320.388.657</u></b>	<b><u>496.331.490.752</u></b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	244.523.948	47.668.978

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.577.364.853	257.278.967
<b>Cộng</b>	<b><u>1.577.364.853</u></b>	<b><u>257.278.967</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	370.417.883.047	355.605.580.271
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.747.646.662	(11.550.088.916)
<i>Trong đó</i>		
<i>Giá vốn cho Công ty Thuận An Buiding thuê</i>	-	(25.197.044.918)
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ khác</i>	-	13.646.956.002
<b>Cộng</b>	<b><u>382.165.529.709</u></b>	<b><u>344.055.491.355</u></b>

**26. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	112.444.195	461.390.256
Lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh trong thanh toán	1.308.762	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	69.519	4.690.191
<b>Cộng</b>	<b><u>113.822.476</u></b>	<b><u>466.080.447</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	4.209.433.127	3.817.333.860
Chiết khấu thanh toán	2.338.228.720	168.451.800
Chênh lệch tỷ giá	-	576.039
<b>Cộng</b>	<b>6.547.661.847</b>	<b>3.986.361.699</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	15.994.689.855	11.647.308.355
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.754.644.146	934.094.161
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	90.988.718	61.764.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.142.380.033	8.228.992.930
Chi phí khác	55.487.470.751	53.172.554.223
<b>Cộng</b>	<b>80.470.173.503</b>	<b>74.044.713.694</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.989.034.972	8.111.282.246
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.639.666.446	905.217.012
Chi phí đồ dùng văn phòng	632.739.125	805.482.018
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Thuế, phí, lệ phí	346.747.931	289.480.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.084.391.567	1.536.977.026
Chi phí bằng tiền khác	5.977.140.984	7.766.897.724
<b>Cộng</b>	<b>24.868.940.800</b>	<b>20.340.833.820</b>

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.118.400.073	191.593.103.323
Chi phí nhân công	54.243.882.869	42.374.109.852
Chi phí khấu hao	13.426.688.300	8.085.717.094
Chi phí dự phòng	1.199.219.775	925.497.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.662.682.409	15.663.691.091
Chi phí khác bằng tiền	62.365.646.004	65.579.690.294
<b>Cộng</b>	<b>351.016.519.430</b>	<b>324.221.809.277</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi Thanh lý TSCĐ	406.831.850	130.394.540
Tiền thu của đối tượng Hoàng Đình Thắng	-	1.165.259.482
Điều chỉnh vật tư thừa khi kiểm kê	444.000.451	1.088.119.089
Thu bán phế liệu và các khoản khác	591.933.302	268.409.378
<b>Cộng</b>	<b>1.442.765.603</b>	<b>2.652.182.489</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Điều chỉnh vật tư thiếu khi kiểm kê	409.496.935	843.892.188
Các khoản chi phí khác	1.138.638.564	427.561.136
<b>Cộng</b>	<b>1.548.135.499</b>	<b>1.271.453.324</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>34.699.170.525</b>	<b>55.493.620.829</b>
<b>Điều chỉnh thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.088.257.713	1.209.957.458
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	20.000.000	4.041.888.949
<b>Thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>35.767.428.238</b>	<b>52.661.689.338</b>
Thuế suất	20%	22%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.153.485.648</b>	<b>11.585.571.654</b>
Thuế TNDN truy thu của năm trước	380.798.404	699.355.924
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.534.284.052</b>	<b>12.284.927.578</b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.164.886.473	43.208.693.251
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	5.432.977.295	7.351.303.988
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.731.909.178	35.857.389.263
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.896.100	5.896.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.686</b>	<b>6.082</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 là số trích theo phân phối lợi nhuận năm 2015, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm trích theo kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2016/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hồng Hà

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh đã nêu trên của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch khác và số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.029.441.195	3.894.770.913
<b>Thu nhập của Ban điều hành</b>	<b>2.696.592.002</b>	<b>1.699.001.521</b>
Hội đồng quản trị	388.000.000	336.000.000
Ban Tổng giám đốc	2.308.592.002	1.363.001.521
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất	4.680.845.614	-

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.904.601.468	16.669.374.388
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.851.553.119	18.662.769.722
<b>Cộng</b>	<b>77.756.154.587</b>	<b>35.332.144.110</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	75.780.773.169	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	109.098.422.766	117.451.487.343
Chi phí phải trả	60.111.183.571	52.061.653.028
<b>Cộng</b>	<b>244.990.379.506</b>	<b>234.701.102.754</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**Rủi ro thị trường****Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	8.509.776	24.732.015	-	-

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

**Quản lý rủi ro về giá cả**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

**Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 là 3.082.274.433 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 2.091.431.263 đồng).

*Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại 31/12/2016</b>			
Các khoản vay	75.780.773.169	-	75.780.773.169
Phải trả người bán và phải trả khác	50.789.897.333	58.308.525.433	109.098.422.766
Chi phí phải trả	11.924.212.939	48.186.970.632	60.111.183.571
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	65.187.962.383	-	65.187.962.383
Phải trả người bán và phải trả khác	64.142.961.910	53.308.525.433	117.451.487.343
Chi phí phải trả	3.103.772.254	48.957.880.774	52.061.653.028

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

#### **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

### **37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN PHÒNG PHẨM HỒNG HÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

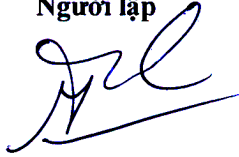
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại để phù hợp với chi tiêu so sánh.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2017

**Người lập**



Nguyễn Kiêm Mạnh

**Kế toán trưởng**



Nguyễn Quang Vũ

**Tổng Giám đốc**



Trương Quang Luyện